

Bản án số: 137/2026/DS-ST
Ngày: 30/3/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Dung**.

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Anh Duy**, thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hoàng Dung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 558/2025/TLST – DS ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 441/2026/QĐXXST – DS ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N**.

Trụ sở: Số B, đường L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Dương H – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh P1.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Thanh H1 – Giám đốc Phòng G – A Chi nhánh P1.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H2**, sinh năm 1983 và ông **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số A đường N, phường N, thành phố Cần Thơ.

(Đại diện nguyên đơn ông H1 có mặt, bị đơn bà H2, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2025, biên bản làm việc ngày 12/01/2026 đại diện nguyên đơn là ông Đỗ Thanh H1 trình bày:

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P1 – Phòng G (Nay là Ngân hàng N – Chi nhánh P1 – Phòng G) ký Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-202201078 với bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P. Theo hợp đồng bà H2, ông P vay số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*); Mục đích vay buôn bán lương thực, thực phẩm khác, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 02/6/2023, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo số tiền vay trên bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P đã dùng tài sản của bà H2, ông P để thế chấp cho Ngân hàng cụ thể là quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành: CQ 744470; số vào sổ cấp GCN: CS07156 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố C cấp ngày 09/10/2020, chỉnh lý ngày 30/5/2022 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H2; thửa đất số: 3335; Tờ bản đồ số: 7; Diện tích đất: 140m², loại đất: đất ở tại nông thôn; Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Địa chỉ thửa đất: Ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành: BC 693770; số vào sổ cấp GCN: CH00391 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ cấp ngày 22/10/2010, chỉnh lý ngày 30/5/2022 cho ông Nguyễn Thanh P; Thửa đất số: 398; Tờ bản đồ số: 12; Diện tích đất: 85m², loại đất: Đất ở tại đô thị 71m², đất trồng cây lâu năm 14m²; Thời hạn sử dụng: Lâu dài đối với ODT, CLN đến 10/2047. Địa chỉ thửa đất: Ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ theo Hợp đồng thế chấp số BY0007.1 ngày 31/5/2022; Việc thế chấp đã được công chứng tại VPCC 24h, số công chứng 5761 Quyền số 07/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/5/2022 và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

- Kể từ khi vay, bên vay đã để phát sinh nợ quá hạn và kéo dài tình trạng cho đến thời điểm hiện nay bà H2, ông P không trả nợ.

Nay, yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P trả nợ cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P1 – Phòng G số tiền gốc và lãi tính đến ngày 12/01/2026 là: 2.083.541.095 đồng (*Hai tỷ không trăm tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi một ngàn không trăm chín mươi lăm đồng*).

Trong đó:

+ Tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng.

+ Tiền nợ lãi 583.541.095 đồng.

Yêu cầu tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-202201078 từ ngày 13/01/2026 cho đến khi tất nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P1 – Phòng G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BY0007.1 ngày 31/5/2022 để thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền phát mãi không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh thì bà H2, ông P còn phải tiếp tục dùng các tài sản khác để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng cho đến khi tất nợ.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P vắng mặt.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì “*Người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung*”.

Do đó, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết thủ tục xét xử vắng mặt cho bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay,

Đại diện nguyên đơn ông Đỗ Thanh H1 yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/3/2026 là 2.131.006.849 đồng (tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 494.157.534 đồng, nợ lãi quá hạn 136.849.315 đồng) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng từ ngày 31/3/2026 cho đến khi tất nợ.

Phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà. Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, tư cách những người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P có ký Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-202201078 ngày 03/6/2022 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P1 – Phòng G (Nay là Ngân hàng N – Chi nhánh P1 – Phòng G). Theo hợp đồng bà H2, ông P vay số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*); Mục đích vay buôn bán lương thực, thực phẩm khác, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 02/6/2023, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn. Từ ngày vay đến nay, bà H2, ông P không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Do bà H2, ông P không thực hiện đúng cam kết trả vốn và lãi theo Hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H2, ông P trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/3/2026 là 2.131.006.849 đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 494.157.534 đồng, nợ lãi quá hạn 136.849.315 đồng) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng từ ngày 31/3/2026 cho đến khi tất nợ. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho

nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa cá nhân với ngân hàng được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt, Tòa án thực hiện việc niêm yết và xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:* Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-202201078 ngày 03/6/2022 đã ký giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P1 – Phòng G (Nay là Ngân hàng N – Chi nhánh P1 – Phòng G). Theo hợp đồng bà H2, ông P vay số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*); Mục đích vay buôn bán lương thực, thực phẩm khác, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày ký đến hết ngày 02/6/2023, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo số tiền vay bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P đã thế chấp cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P1 – Phòng G (Nay là Ngân hàng N – Chi nhánh P1 – Phòng G), quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 3335; tờ bản đồ số: 7; diện tích đất: 140m², loại đất: đất ở tại nông thôn; Thời hạn sử dụng: Lâu dài. Địa chỉ thửa đất: Ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ (Nay là Ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành: CQ 744470; số vào sổ cấp GCN: CS07156 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường thành phố C cấp ngày 09/10/2020, chỉnh lý ngày 30/5/2022 cho bà Nguyễn Thị Ngọc H2 và thửa đất số: 398; tờ bản đồ số: 12; diện tích đất: 85m², loại đất: đất ở tại đô thị 71m², đất trồng cây lâu năm 14m²; thời hạn sử dụng: lâu dài đối với ODT, CLN đến tháng 10/2047. Địa chỉ thửa đất: Ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ (Nay là Ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số phát hành: BC 693770; số vào sổ cấp GCN: CH00391 do Ủy ban nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ cấp ngày 22/10/2010, chỉnh lý ngày 30/5/2022 cho ông Nguyễn Thanh P; theo Hợp đồng thế chấp số BY0007.1 ngày 31/5/2022; Việc thế chấp đã được công chứng tại VPCC 24h, số công chứng 5761, Quyền số 07/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/5/2022 và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định.

Từ khi vay đến nay, bà H2, ông P không thanh toán gốc và vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng. Nay, Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà H2, ông P phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi.

Xét thấy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/3/2026 là 2.131.006.849 đồng (tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 494.157.534 đồng, nợ lãi quá hạn 136.849.315 đồng) và tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng từ ngày 31/3/2026 cho đến khi tất nợ là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N – Chi nhánh P1 – Phòng G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BY0007.1 ngày 31/5/2022 để thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền phát mãi không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn phát sinh thì bà H2, ông P còn phải tiếp tục dùng các tài sản khác để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng cho đến khi tất nợ.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp tại xã N và xã P, thành phố Cần Thơ là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên bị đơn bà H2, ông P có trách nhiệm trả lại số tiền này cho Ngân hàng N – Chi nhánh P1 – Phòng G, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội.

- Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N – Chi nhánh P1 – Phòng G số tiền nợ tính đến ngày 30/3/2026 là 2.131.006.849 đồng (*Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu không trăm lẻ sáu ngàn tám trăm bốn mươi chín đồng*), (bao gồm tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 494.157.534 đồng, nợ lãi quá hạn 136.849.315 đồng) và

tiếp tục trả lãi từ ngày 31/3/2026 theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-202201078 ngày 03/6/2022 cho đến khi tắt nợ.

Phương thức thanh toán nợ giữa các bên do cơ quan thi hành án giải quyết theo thẩm quyền.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N – Chi nhánh P1 – Phòng G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BY0007.1 ngày 31/5/2022 để thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh P1 – Phòng G số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H2, ông Nguyễn Thanh P phải nộp số tiền 74.620.137 đồng (*Bảy mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi ngàn một trăm ba mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn Ngân hàng N được nhận lại số tiền 35.308.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu ba trăm lẻ tám ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008696 ngày 05/11/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

*Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;

TOÀ

- VKSND KV1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV1 – Cần Thơ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hà